

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 101/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 6 - 2019.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Sỹ Định.
2. Ông Nguyễn Thế Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thề, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 197/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị X, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.
2. Bị đơn: Anh Trương Ch, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ly hôn Tòa án nhận ngày 05/12/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị X trình bày:** Chị X và anh Trương Ch quen biết, tìm hiểu nhau khoảng một năm, có tiến hành lễ cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 30/5/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ

chồng không tin tưởng nhau, anh Ch không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng hay cãi vã xúc phạm nhau. Chị X có nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Ch vẫn không nghe, anh Ch có đánh chị X một lần. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn tôn trọng nhau. Từ tháng 6/2018, chị X và anh Ch đã sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Nay chị X xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Trương Ch nên cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị Trần Thị X trình bày vợ chồng có 01 người con chung là Trương Đông Q, sinh ngày 15/10/2016 đang sống với chị X. Chị X yêu cầu giao người con chung cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Trương Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị X trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Trần Thị X đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn ghi họ và tên chồng Trương Ch, họ và tên vợ Trần Thị X; bản sao giấy chứng minh nhân dân Trần Thị X; bản sao sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Trần Bá Th; bản sao trích lục khai sinh Trương Đông Q; đơn xin xác nhận hộ khẩu.

**** Đối với bị đơn anh Trương Ch trong quá trình giải quyết vụ án:***

Tòa án đã thực hiện tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn là anh Trương Ch, thông qua người thân thích trong gia đình của anh Ch. Tuy nhiên, anh Ch vẫn không đến Tòa án để làm việc, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Tòa án đã thực hiện tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Trương Ch thông qua cha mẹ đẻ của anh Ch.

**** Xác minh của Tòa án tại nhà anh Trương Ch ở thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, thể hiện:*** Chị Trần Thị X và anh Trương Ch có đăng ký kết hôn ngày 30/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình sau khi kết hôn thì vợ chồng chị X, anh Ch chung sống tại gia đình anh Ch một thời gian. Sau đó chị X bồng con về nhà mẹ đẻ sống và vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Quá trình sống chung giữa chị X, anh Ch có xảy ra mâu thuẫn cãi vã, xúc phạm nhau; nay anh Ch sống tại nhà cha mẹ đẻ của anh Ch, chị X sống tại nhà cha mẹ đẻ chị X. Ban Thôn và Hội phụ nữ xã có hòa giải nhưng không thành. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh Ch thì quá trình sống chung giữa chị X và anh Ch có cãi vã, xúc phạm nhau. Nay chị X có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn thì gia đình anh Ch đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án

cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; thu thập chứng cứ bảo đảm đúng quy định; thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp và tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đảm bảo; về thời hạn chuẩn bị xét xử bảo đảm đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục, trình tự phiên tòa xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn chị Trần Thị X chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trương Ch không chấp hành đúng pháp luật, cụ thể: Anh Ch vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 23/5/2019 và tại phiên tòa hôm nay (12/6/2019) làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị X được ly hôn anh Trương Ch.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trương Đông Q, sinh ngày 15/10/2016 cho chị Trần Thị X chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Trương Ch không phải cấp dưỡng nuôi con, anh Ch được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Do nguyên đơn chị Trần Thị X không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) cho bị đơn là anh Trương Ch. Tuy nhiên, anh Ch vẫn không có mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 23/5/2019 và tại phiên tòa ngày hôm nay 12/6/2019. Do

vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị X và anh Trương Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn vào ngày 30/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh Ch là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa chị X và anh Ch, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sống chung, giữa chị X và anh Ch thời gian hạnh phúc khoảng hai năm, sau đó đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, dẫn đến cãi vã, xúc phạm nhau. Từ đó, chị X và anh Ch đã sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay. Quá trình từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay đã lâu và đã tạo điều kiện để anh Ch có mặt tại Tòa án nhằm hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, anh Ch vẫn không có mặt, chứng tỏ anh Ch không mong muốn hòa giải đoàn tụ vợ chồng với chị X. Nay chị X cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh Ch là không thể khắc phục được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị X.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị X và anh Trương Ch có một người con chung là Trương Đông Q sinh ngày 15/10/2016. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án và từ khi vợ chồng sống ly thân thì chị X là người trực tiếp nuôi dưỡng người con chung. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần của người con chung chưa đủ 36 tháng tuổi thì cần thiết phải giao cho chị Trần Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử đã giải thích nhưng chị X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Trần Thị X không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị X; chị Trần Thị X được ly hôn anh Trương Ch.

2. Về việc nuôi con: Giao người con chung là Trương Đông Q, sinh ngày 15/10/2016 cho chị Trần Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Anh Trương Ch không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Trần Thị X không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 006401, ngày 05/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị X có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Trương Ch có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Đương sự;
- UBND xã L,
- huyện P, tỉnh TT-Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Ngọc Tú